

Số: 281/QĐ-ĐHVĐ

Bình Dương, ngày 01 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ TUYỂN SINH BẬC ĐẠI HỌC

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Việt Đức;

Căn cứ Quyết định số 890/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Việt Đức;

Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Căn cứ phê chuẩn của Hội đồng nội trị Trường Đại học Việt Đức tại phiên họp lần thứ 15 ngày 18 tháng 8 năm 2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh bậc đại học năm học 2022 – 2023 của Trường Đại học Việt Đức.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 363/QĐ-ĐHVĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Việt Đức về việc ban hành Quy chế tuyển sinh bậc đại học.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Trưởng phòng Tiếp thị và Tuyển sinh, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Giám đốc Trung tâm Ngôn ngữ và Năm Đại cương, Trưởng phòng Công nghệ thông tin, Trưởng Khoa, Điều phối viên các chương trình đào tạo và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT&CTSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Hà Thúc Viên

QUY CHẾ TUYỂN SINH BẠC ĐẠI HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 281/QĐ-ĐHVĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Đức)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về phương thức và quy trình tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, điều kiện trúng tuyển, chính sách ưu tiên trong tuyển sinh; nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng và các ban tuyển sinh của Trường Đại học Việt Đức (VGU) trong công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy.

Điều 2. Các ngành đào tạo bậc đại học

1. Trường Đại học Việt Đức tổ chức tuyển sinh các ngành đào tạo bậc đại học như sau:

- a) Khoa học máy tính (CSE) – Mã ngành: 7480101;
- b) Kỹ thuật điện và máy tính (ECE) – Mã ngành: 7520208;
- c) Kỹ thuật cơ khí (MEN) – Mã ngành: 7520103;
- d) Kỹ thuật xây dựng (BCE) – Mã ngành: 7580201;
- e) Kiến trúc (ARC): Mã ngành: 7580101;
- f) Quản trị kinh doanh (BBA) – Mã ngành: 7340101;
- g) Tài chính và Kế toán (BFA) – Mã ngành: 7340202;
- h) Kỹ thuật môi trường (EPE) - Mã ngành: 7520320.

2. Trường tổ chức tuyển sinh định kỳ hàng năm và bắt đầu năm học từ học kỳ mùa Đông.

Điều 3. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh hợp lệ phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc đang học lớp 12 tại các trường Trung học phổ thông Việt Nam hoặc quốc tế;
- Đáp ứng các yêu cầu về tuyển sinh bậc đại học của VGU và Bộ Giáo dục và Đào tạo (MoET).

Điều 4. Phương thức tuyển sinh

1. Trường tổ chức tuyển sinh theo các phương thức như sau:

- a) **Phương thức 1 (TestAS):** Thực hiện theo hình thức thi tuyển đầu vào (bài thi

TestAS), được tổ chức vào tháng Năm hàng năm. Chỉ tiêu tuyển sinh tối đa cho Phương thức 1 là 70% chỉ tiêu của mỗi ngành học. Thí sinh có thể nộp chứng chỉ TestAS phù hợp với ngành đào tạo để thay thế cho bài thi đầu vào của Trường.

b) **Phương thức 2 (Học bạ THPT):** Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT đối với các thí sinh sẽ tốt nghiệp các trường THPT của Việt Nam trong năm tuyển sinh.

c) **Phương thức 3 (Tuyển thẳng):** Xét tuyển thẳng đối với thí sinh có thành tích học tập xuất sắc, bao gồm các thí sinh đạt giải các cuộc thi học sinh giỏi bậc THPT cấp tỉnh/quốc gia hoặc tham gia trong các cuộc thi học sinh giỏi quốc tế.

d) **Phương thức 4 (Chứng chỉ THPT quốc tế):** Xét tuyển đối với các thí sinh có bằng/chứng chỉ tốt nghiệp THPT quốc tế (IBD, AS/A-Level, IGCSE, WACE...) hoặc chứng chỉ của các bài thi năng lực quốc tế (SAT, TestAS...).

e) **Phương thức 5 (Kết quả tốt nghiệp THPT):** Thực hiện theo hình thức xét tuyển căn cứ trên kết quả thi tốt nghiệp THPT của thí sinh.

2. Thí sinh được phép tham gia nhiều phương thức tuyển sinh nhưng phải tuân theo các mốc thời gian tuyển sinh và nhập học được quy định cho mỗi đợt tuyển sinh. Đối với thí sinh tham gia dự tuyển bằng nhiều phương thức, kết quả trúng tuyển và học bổng cho từng phương thức được xác định độc lập với nhau. Thí sinh đã nhập học sẽ không được tiếp tục xét tuyển theo phương thức khác ngoại trừ trường hợp chuyển ngành.

3. Quy trình tuyển sinh và điều kiện trúng tuyển cho từng phương thức được quy định tương ứng tại các Điều 6, 7, 8, 9 và 10.

4. Thí sinh trúng tuyển sẽ nhận được các thông báo và tài liệu sau:

- Thông báo trúng tuyển chính thức hoặc có điều kiện do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ký, trong đó ghi rõ mức học phí, thời gian nhập học và thông tin học bổng tài năng (nếu có). Thông báo trúng tuyển có điều kiện áp dụng cho đối tượng tuyển sinh chưa tốt nghiệp THPT.

- Tài liệu Hướng dẫn nhập học.

5. Thí sinh trúng tuyển phải nộp Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT, bản gốc Giấy chứng nhận kết quả thi THPT có mã vạch (không bắt buộc đối với thí sinh theo học các chương trình THPT quốc tế) và các tài liệu bắt buộc khác (theo Hướng dẫn nhập học) khi làm thủ tục nhập học. Thí sinh không đỗ kỳ thi THPT quốc gia không đủ điều kiện nhập học vào VGU.

6. Thí sinh không trúng tuyển sẽ nhận được thông báo của Trường và kết quả thi (nếu có).

Điều 5. Yêu cầu về năng lực tiếng Anh đầu vào

1. Thí sinh phải thỏa mãn một trong các yêu cầu về năng lực tiếng Anh đầu vào sau đây:

- Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế ít nhất tương đương IELTS học thuật 5.0 (hoặc TOEFL iBT 42) còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ; hoặc

- Đạt ít nhất 71 điểm trong bài thi onSET; hoặc

- Điểm trung bình môn tiếng Anh trong 3 năm THPT (lớp 10, 11 và học kỳ 1 của lớp 12) đạt ít nhất 7,5 (thang điểm 10). Điều kiện này chỉ áp dụng cho Phương thức 2 hoặc một số trường hợp ngoại lệ sẽ do Hội đồng tuyển sinh xem xét và quyết định;
- Đạt ít nhất 7,5 điểm (thang điểm 10) môn tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT trong năm tuyển sinh (chỉ áp dụng cho Phương thức 5).

2. Các trường hợp sau được miễn yêu cầu tiếng Anh đầu vào quy định tại Khoản 1:

- Thí sinh đến từ các quốc gia sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chính thức theo danh sách trong Phụ lục 2;
- Thí sinh tốt nghiệp các chương trình THPT quốc tế mà ngôn ngữ giảng dạy và kiểm tra là tiếng Anh.

Điều 6. Quy trình tuyển sinh và điều kiện trúng tuyển theo Phương thức 1 (TestAS)

1. Hồ sơ và đăng ký dự thi:

Thí sinh cần hoàn thành đơn đăng ký và nộp các tài liệu bắt buộc sau đây (bản scan hoặc ảnh chụp) thông qua hệ thống nộp đơn trực tuyến của VGU (<https://apply.vgu.edu.vn>):

- Chứng minh nhân dân/ căn cước công dân/ hộ chiếu;
- Chứng chỉ tiếng Anh hợp lệ (nếu có).
- Chỉ yêu cầu đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT: Học bạ lớp 12 và Chứng nhận tốt nghiệp THPT;

2. Điều kiện dự thi:

Thí sinh có hồ sơ đăng ký hợp lệ sẽ nhận được thông báo nộp lệ phí thi tuyển sinh đầu vào bao gồm lệ phí bài thi TestAS và lệ phí thi tiếng Anh (nếu phải thực hiện). Lệ phí bài thi TestAS là 1.500.000 VNĐ chỉ được hoàn trả nếu thí sinh nộp các chứng chỉ hợp lệ thay thế (như SAT, TestAS...) ít nhất 2 tuần trước ngày thi. Nếu thí sinh phải thi bài thi tiếng Anh (bài thi onSET), lệ phí thi là 250.000 VNĐ/lần thi.

Thí sinh cần thanh toán lệ phí thi để được mời tham dự thi. Giấy báo dự thi bao gồm các thông tin chi tiết về ngày thi, thời gian và địa điểm thi, tài liệu được phép sử dụng và các thông tin liên quan khác.

Thí sinh phải mang đầy đủ các giấy tờ sau khi đến dự thi:

- a) Chứng minh nhân dân/ căn cước công dân/ hộ chiếu;
- b) Giấy báo dự thi của VGU (bản cứng).

3. Các môn thi và kết quả tổng hợp:

a) Bài thi viết đầu vào TestAS bao gồm một bài thi kiến thức cơ bản (Core Test) và một bài thi kiến thức khối chuyên ngành (Subject Specific Test). Bài thi kiến thức khối chuyên ngành được quy định như sau:

- Đối với ngành CSE: Bài thi về Toán học, Khoa học máy tính và Khoa học tự nhiên;
- Đối với các ngành ECE, MEN, BCE, EPE và ARC: Bài thi về Kỹ thuật;
- Đối với các ngành BFA, BBA: Bài thi về Kinh tế.

Bài thi kiến thức khối chuyên ngành chỉ có giá trị xét tuyển vào (các) ngành đào tạo tương ứng. Thí sinh có thể nộp chứng chỉ TestAS phù hợp với ngành đào tạo dự tuyển để thay thế cho bài thi đầu vào của VGU.

b) Kết quả tổng hợp của bài thi đầu vào hoặc của chứng chỉ TestAS hợp lệ được xác định từ kết quả của hai bài thi thành phần theo tỉ lệ sau:

Bài thi kiến thức cơ bản: 40% và bài thi kiến thức khối chuyên ngành: 60%

4. Điều kiện xét trúng tuyển:

Thí sinh được xét trúng tuyển khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Thỏa mãn yêu cầu về năng lực tiếng Anh đầu vào được quy định tại khoản 1 Điều 5;
- b) Cả hai bài thi thành phần đạt từ 90 điểm trở lên;
- c) Kết quả tổng hợp của bài thi đầu vào hoặc của chứng chỉ TestAS hợp lệ phải lớn hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển của VGU cho từng ngành được Hội đồng tuyển sinh quyết định căn cứ trên số lượng thí sinh đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm a, b khoản này và chỉ tiêu của mỗi ngành. Điểm trúng tuyển này lớn hơn hoặc bằng ngưỡng điểm sàn 90.

5. Các thí sinh được xếp hạng từ cao đến thấp theo kết quả tổng hợp của bài thi đầu vào. Trong trường hợp số lượng thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều hơn chỉ tiêu tuyển sinh và các thí sinh xếp hạng cuối có kết quả tổng hợp bằng nhau, những thí sinh có điểm tiếng Anh cao hơn sẽ được ưu tiên gọi trúng tuyển. Việc quy đổi điểm tương đương giữa các dạng thi tiếng Anh khác nhau được nêu chi tiết tại Phụ lục 1 của Quy chế này. Nếu điểm tiếng Anh vẫn bằng nhau thì ưu tiên thí sinh có điểm bài thi kiến thức khối chuyên ngành cao hơn. Hội đồng tuyển sinh của Trường sẽ phê duyệt danh sách trúng tuyển chính thức.

6. Trong trường hợp thí sinh trúng tuyển từ chối nhập học, Hội đồng tuyển sinh có thể xem xét gọi trúng tuyển thí sinh xếp hạng theo thứ tự ngay sau đó (nếu có) theo quy định tại Khoản 5 của Điều này.

Điều 7. Quy trình tuyển sinh và điều kiện trúng tuyển theo Phương thức 2 (Học bạ THPT)

1. Phương thức 2 chỉ áp dụng đối với các thí sinh tốt nghiệp THPT trong năm tuyển sinh.

2. Thí sinh cần hoàn thành đơn đăng ký và nộp các tài liệu bắt buộc sau đây (bản scan hoặc ảnh chụp) thông qua hệ thống nộp đơn trực tuyến của VGU (<https://apply.vgu.edu.vn>):

- Chứng minh nhân dân/ căn cước công dân/ hộ chiếu;
- Học bạ/bảng điểm các năm học bậc THPT (lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) có xác nhận của trường THPT;
- Chứng nhận giải thưởng hay minh chứng đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh/quốc gia (nếu có);
- Chứng chỉ tiếng Anh hợp lệ (nếu có).

3. Căn cứ trên học bạ/bảng điểm bậc THPT (lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12), tổng điểm trung bình được xác định từ điểm trung bình của 06 môn học: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn và Ngoại ngữ (thường là tiếng Anh) theo công thức sau đây:

Ký hiệu viết tắt điểm trung bình các môn học:

- | | |
|----------------------------|------------------------------|
| • Toán lớp 10: M_{10} | • Sinh học lớp 10: B_{10} |
| • Toán lớp 11: M_{11} | • Sinh học lớp 11: B_{11} |
| • Toán lớp 12: M_{12} | • Sinh học lớp 12: B_{12} |
| • Vật lý lớp 10: P_{10} | • Ngữ văn lớp 10: L_{10} |
| • Vật lý lớp 11: P_{11} | • Ngữ văn lớp 11: L_{11} |
| • Vật lý lớp 12: P_{12} | • Ngữ văn lớp 12: L_{12} |
| • Hóa học lớp 10: C_{10} | • Ngoại ngữ lớp 10: E_{10} |
| • Hóa học lớp 11: C_{11} | • Ngoại ngữ lớp 11: E_{11} |
| • Hóa học lớp 12: C_{12} | • Ngoại ngữ lớp 12: E_{12} |

- Đối với các ngành CSE, ECE, MEN, BCE, EPE và ARC:

Tổng điểm trung bình

$$= 75\% x \left(\frac{M_{10} + M_{11} + M_{12} + P_{10} + P_{11} + P_{12} + E_{10} + E_{11} + E_{12}}{9} \right) \\ + 25\% x \left(\frac{C_{10} + C_{11} + C_{12} + B_{10} + B_{11} + B_{12} + L_{10} + L_{11} + L_{12}}{9} \right)$$

- Đối với các ngành BFA và BBA:

Tổng điểm trung bình

$$= 66,7\% x \left(\frac{M_{10} + M_{11} + M_{12} + E_{10} + E_{11} + E_{12}}{6} \right) \\ + 33,3\% x \left(\frac{P_{10} + P_{11} + P_{12} + C_{10} + C_{11} + C_{12} + B_{10} + B_{11} + B_{12} + L_{10} + L_{11} + L_{12}}{12} \right)$$

- Điểm cộng: Các thí sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh hoặc cấp quốc gia (Giải Nhất, Nhì, Ba) các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp) và Tin học được cộng thêm tương ứng 0,5 điểm vào tổng điểm trung

bình.

4. Tổng điểm trung bình được làm tròn đến hai chữ số thập phân. Để được tham gia xét tuyển học bạ, thí sinh phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Điểm trung bình các môn (điểm tổng kết) của năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đều phải đạt ít nhất 7,0;

b) Tổng điểm trung bình, bao gồm điểm cộng thêm theo quy định tại khoản 3 Điều này phải đạt ít nhất 7,5;

c) Thỏa mãn yêu cầu về năng lực tiếng Anh đầu vào quy định tại Điều 5 Quy chế này.

5. Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định điểm trúng tuyển dựa trên tổng điểm trung bình và theo chỉ tiêu của mỗi ngành. Nếu số lượng thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều hơn chỉ tiêu tuyển sinh và các thí sinh xếp hạng cuối có tổng điểm trung bình bằng nhau, những thí sinh có điểm tiếng Anh đầu vào cao hơn sẽ được ưu tiên gọi trúng tuyển. Việc quy đổi điểm tương đương giữa các dạng thi tiếng Anh khác nhau được nêu chi tiết tại Phụ lục 1 của Quy chế này.

Điều 8. Quy trình tuyển sinh và điều kiện trúng tuyển theo Phương thức 3 (Tuyển thẳng)

1. Các thí sinh đạt các thành tích học tập xuất sắc có thể nộp hồ sơ xét tuyển thẳng trong thời gian tuyển sinh quy định. Thí sinh phải hoàn thành đơn đăng ký và nộp các tài liệu bắt buộc sau đây (bản scan hoặc ảnh chụp) thông qua hệ thống nộp đơn trực tuyến của VGU (<https://apply.vgu.edu.vn>):

- Chứng minh nhân dân/ căn cước công dân / hộ chiếu;
- Chứng nhận giải thưởng hay minh chứng của thành tích đạt được;
- Chứng chỉ tiếng Anh hợp lệ (nếu có).

2. Thí sinh hợp lệ phải thuộc một trong các đối tượng sau:

a) Thành viên đội tuyển quốc gia tham dự kỳ thi Olympic quốc tế các môn: Toán học, Vật lý, Hóa học, Tin học hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba kỳ thi Olympic Châu Á Thái Bình Dương bậc THPT các môn Toán học, Vật lý, Tin học. Các thí sinh này được hưởng các quyền lợi như thí sinh đạt giải Nhất kỳ thi học sinh giỏi quốc gia bậc THPT như quy định tại điểm b khoản này.

b) Đạt giải Nhất, Nhì, Ba hoặc Khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi bậc THPT cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh/thành phố các môn phù hợp với ngành đào tạo:

- Đối với các ngành CSE, ECE, MEN, BCE, EPE và ARC: chấp nhận các môn Toán học, Vật lý, Hóa học và Tin học.

- Đối với các ngành BFA và BBA: chấp nhận các môn Toán học, Vật lý, Hóa học, Tin học, Tiếng Anh, Tiếng Pháp và Ngữ văn.

c) Thành viên đội tuyển quốc gia tham dự Hội thi khoa học, kỹ thuật quốc tế (ISEF) hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia Việt Nam. Kết quả dự án hoặc đề tài mà thí sinh đạt giải phải phù hợp với các ngành đào tạo bậc đại học của trường quy định tại Điều 2.

Thời gian có hiệu lực của chứng nhận giải thưởng hay minh chứng tham gia các cuộc thi nêu trên sẽ được bảo lưu đến hết năm tốt nghiệp THPT của thí sinh.

3. Thí sinh phải thỏa mãn yêu cầu về năng lực tiếng Anh đầu vào quy định tại khoản 1 Điều 5. Nếu thí sinh phải tham dự bài thi onSET, lệ phí thi là 250.000 VNĐ/lần thi. Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển thẳng sau khi đã tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT trong năm tuyển sinh có thể sử dụng kết quả thi môn tiếng Anh trong kỳ thi này để được miễn thi tiếng Anh (nếu đạt).

Điều 9. Quy trình tuyển sinh và điều kiện trúng tuyển theo Phương thức 4 (Chứng chỉ THPT quốc tế)

1. Thí sinh cần hoàn thành đơn đăng ký và nộp các tài liệu bắt buộc sau đây (bản scan hoặc ảnh chụp) thông qua hệ thống nộp đơn trực tuyến của VGU (<https://apply.vgu.edu.vn>):

- Chứng minh nhân dân/ căn cước công dân/ hộ chiếu;
- Học bạ các năm học bậc THPT: Lớp 10, 11 và 12;
- Bằng/Chứng chỉ tốt nghiệp THPT quốc tế (IBD, AS/A-Level, IGCSE, WACE...) hoặc chứng chỉ bài thi năng lực quốc tế (SAT, TestAS...);
- Chứng chỉ tiếng Anh hợp lệ (nếu có).

Thí sinh có thể nộp các tài liệu gốc bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; nếu tài liệu bằng ngôn ngữ khác, thì phải được dịch thuật công chứng sang tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Bằng/chứng chỉ THPT quốc tế hoặc chứng chỉ bài thi năng lực quốc tế hợp lệ để xét tuyển theo phương thức này phải được cấp trong vòng 3 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ. Đối với bằng/chứng chỉ đã cấp quá 3 năm, thí sinh sẽ được xét tuyển theo quy trình chuyển trường (Điều 11).

2. Thí sinh phải thỏa mãn yêu cầu về năng lực tiếng Anh đầu vào quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này.

3. Điểm trúng tuyển và yêu cầu về môn chuyên ngành đối với từng chứng chỉ được quy định như sau:

STT	Chứng chỉ/ Tổ chức cấp	Điểm trúng tuyển	Yêu cầu môn chuyên ngành của chứng chỉ	Ghi chú
1	SAT (Scholastic	1150	-	Điểm trúng tuyển được tính

	Assessment Test)/ College Board			dựa vào điểm tổng.
2	IBD (International Baccalaureate Diploma)/ IB Organization	28	-	Điểm trúng tuyển được tính dựa vào điểm tổng 6 môn.
3	AS/A-Level (International Advanced Levels)/ Cambridge; Pearson Edexcel	3 môn A-Level với điểm trung bình từ 70% (2 môn AS-Level tương đương 1 môn A-Level)	<ul style="list-style-type: none"> Các ngành khối kỹ thuật (CSE, ECE, MEN, BCE, ARC): Toán học và ít nhất 01 môn khoa học. Các ngành khối kinh tế (BBA, BFA): Toán học và ít nhất 01 môn khoa học hoặc khoa học xã hội. 	Thang điểm: A*: 90-100 A: 80-89 B: 70-79 C: 60-69 D: 50-59 E: 40-49
4	IGCSE (International General Certificate of Secondary Education) và A-Level/ Cambridge; Pearson Edexcel;	3 môn IGCSE và 2 môn A-Level với điểm trung bình từ 70%		Thang điểm: A*: 90-100 A: 80-89 B: 70-79 C: 60-69 D: 50-59 E: 40-49
5	WACE (Western Australian Certificate of Education)/ Western Australia School Curriculum and Standards Authority	ATAR với 3 môn có điểm trung bình kết hợp từ 70%		ATAR: Chuẩn xét tuyển đại học Úc
6	TestAS (Test for Academic Studies)/ TestDaF Institute	Kết quả tổng hợp từ 90 điểm trở lên, không có bài thi thành phần nào dưới 90 điểm.	Quy định tại Khoản 3 Điều 6.	

7	Bằng tốt nghiệp THPT quốc tế được công nhận (danh sách trong Phụ lục 3)	Điểm trung bình (GPA) bằng tốt nghiệp THPT từ 70%		
---	---	---	--	--

4. Đối với những thí sinh đăng ký xét tuyển theo bằng/chứng chỉ tốt nghiệp THPT quốc tế, danh sách bằng/chứng chỉ tốt nghiệp THPT được công nhận theo quốc gia được nêu tại Phụ lục 3. Thí sinh có điểm trung bình (GPA) bằng tốt nghiệp THPT dưới 70% nhưng có thứ hạng tốt nghiệp cao trong lớp có thể được xem xét trúng tuyển bởi Hội đồng tuyển sinh theo từng trường hợp cụ thể.

Điều 10. Quy trình tuyển sinh và điều kiện trúng tuyển theo Phương thức 5 (Kết quả tốt nghiệp THPT)

1. Đăng ký xét tuyển:

Thí sinh cần hoàn thành đơn đăng ký và nộp các tài liệu bắt buộc sau đây (bản scan hoặc ảnh chụp) thông qua hệ thống nộp đơn trực tuyến của VGU (<https://apply.vgu.edu.vn>):

- Chứng minh nhân dân/ căn cước công dân/ hộ chiếu;
- Chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời;
- Kết quả thi THPT theo các tổ hợp môn xét tuyển được công bố bởi các cơ quan có thẩm quyền;
- Chứng chỉ tiếng Anh hợp lệ (nếu có).

Nếu thí sinh phải tham dự bài thi onSET, lệ phí thi là 250.000 VNĐ/lần thi.

2. Tổ hợp môn xét tuyển (khối xét tuyển):

Thí sinh có thể sử dụng kết quả thi THPT trong vòng 3 năm tính từ năm tuyển sinh hiện tại để dự tuyển. Thí sinh cần đăng ký xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia theo các tổ hợp môn xét tuyển (khối xét tuyển) quy định cho các ngành đào tạo như sau:

Ngành đào tạo	Các tổ hợp môn xét tuyển (khối xét tuyển)
CSE, ECE, MEN và BCE	Toán học, Vật lý, Hóa học (A00) Toán học, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Toán học, Hóa học, Tiếng Anh (D07)
BFA và BBA	Toán học, Vật lý, Hóa học (A00) Toán học, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Toán học, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) Toán học, Ngữ văn, Tiếng Pháp (D03) Toán học, Ngữ văn, Tiếng Đức (D05)

Ngành đào tạo	Các tổ hợp môn xét tuyển (khối xét tuyển)
ARC	Toán học, Vật lý, Hóa học (A00) Toán học, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Toán học, Vật lý, Vẽ mỹ thuật (V00) Toán học, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật (V02)
EPE	Toán học, Vật lý, Hóa học (A00) Toán học, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Toán học, Hóa học, Tiếng Anh (D07) Toán học, Hóa học, Sinh học (B00)

Thí sinh có thể sử dụng kết quả thi môn Vẽ mỹ thuật do các trường đại học khác tổ chức để xét tuyển theo các tổ hợp môn quy định (V00/V02).

3. Điều kiện xét trúng tuyển:

Thí sinh được xét trúng tuyển khi đáp ứng được toàn bộ các điều kiện sau:

a) Có tổng điểm ba (03) môn thi (không nhân hệ số) theo khối xét tuyển, bao gồm cả điểm ưu tiên theo quy định của MoET lớn hơn hoặc bằng mức điểm trúng tuyển của VGU theo khối xét tuyển theo ngành đào tạo. Điểm trúng tuyển của VGU do Hội đồng tuyển sinh quyết định căn cứ tình hình thực tế của năm tuyển sinh.

b) Thỏa mãn yêu cầu về năng lực tiếng Anh đầu vào quy định tại khoản 1 Điều 5. Kết quả miễn thi môn ngoại ngữ (Tiếng Anh/Tiếng Pháp/Tiếng Đức) để xét công nhận tốt nghiệp THPT không được sử dụng trong tính tổng điểm của các khối xét tuyển liên quan (khối A01, D01, D03, D05, D07). Đối với các thí sinh thuộc diện được miễn thi môn ngoại ngữ trong kỳ thi THPT Quốc gia, điểm trung bình môn ngoại ngữ trong 3 năm THPT sẽ được sử dụng trong tính tổng điểm của các khối xét tuyển liên quan chỉ trong trường hợp thí sinh đó không dự thi môn ngoại ngữ trong kỳ thi THPT Quốc gia. Điểm trung bình môn ngoại ngữ này không được dùng để xét miễn yêu cầu về năng lực tiếng Anh đầu vào quy định tại khoản 1 Điều 5. Các thí sinh diện này cần nộp bổ sung học bạ lớp 10, 11, 12 để xét tuyển.

4. Các thí sinh được xếp hạng từ cao đến thấp theo tổng điểm ba (03) môn thi của khối xét tuyển và được gọi trúng tuyển trên cơ sở đáp ứng các điều kiện trúng tuyển được quy định tại khoản 3 Điều này. Trong trường hợp số lượng thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều hơn chỉ tiêu tuyển sinh và các thí sinh xếp hạng cuối có kết quả tổng hợp bằng nhau, những thí sinh có điểm kiểm tra tiếng Anh cao hơn sẽ được ưu tiên gọi trúng tuyển. Việc quy đổi điểm tương đương giữa các dạng thi tiếng Anh khác nhau được nêu chi tiết tại Phụ lục 1. Hội đồng tuyển sinh của Trường sẽ phê duyệt danh sách trúng tuyển chính thức.

5. Trong trường hợp thí sinh trúng tuyển không nhập học, Hội đồng tuyển sinh có thể xem xét gọi trúng tuyển thí sinh xếp hạng theo thứ tự ngay sau đó (nếu có) theo quy định tại khoản 4 của Điều này.

Điều 11. Quy trình tuyển sinh và điều kiện trúng tuyển đối với thí sinh chuyển trường

1. Thí sinh cần hoàn thành đơn đăng ký và nộp các tài liệu bắt buộc sau đây (bản scan hoặc ảnh chụp) thông qua hệ thống nộp đơn trực tuyến của VGU (<https://apply.vgu.edu.vn>):

- Chứng minh nhân dân/ căn cước công dân/ hộ chiếu;;
- Học bạ các năm học bậc THPT: Lớp 10, 11 và 12;
- Chứng chỉ tốt nghiệp THPT (kèm theo kết quả thi);
- Kết quả học tập (bảng điểm) tại trường đại học khác;
- Chứng chỉ bài thi năng lực quốc tế (SAT, TestAS...) (nếu có);
- Chứng chỉ tiếng Anh hợp lệ (nếu có).

2. Thí sinh được xét trúng tuyển khi đáp ứng được toàn bộ các điều kiện sau:

- Ngành học đăng ký phải gần với ngành mà thí sinh đang theo học tại trường đại học hiện tại;
- Thí sinh phải có kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc chứng chỉ bài thi năng lực quốc tế cao hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển của VGU trong năm tuyển sinh tương ứng;
- Thí sinh không thuộc diện bị trường đại học hiện tại xử lý kỷ luật hoặc buộc thôi học.

3. Thí sinh trúng tuyển có thể đề nghị và Điều phối viên học thuật của ngành sẽ xem xét và quyết định theo từng trường hợp cụ thể việc công nhận tín chỉ các học phần thí sinh đã hoàn thành tại trường đại học khác. Thí sinh chuyển trường sẽ không được xét cấp học bổng tài năng.

Điều 12. Hội đồng và các Ban công tác tuyển sinh

Căn cứ vào yêu cầu và các nhiệm vụ liên quan đến công tác tuyển sinh đại học, Trường sẽ thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban công tác giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh và các Ban công tác được quy định cụ thể tại Điều 13, 14, 15 và 16.

Những cán bộ có người thân (vợ, chồng, con; bố, mẹ, anh, chị, em ruột của chồng hoặc vợ) dự thi hay xét tuyển vào Trường không được tham gia Hội đồng và các ban tuyển sinh của Trường trong năm đó.

Điều 13. Hội đồng tuyển sinh

1. Hội đồng tuyển sinh bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách Đào tạo và Công tác sinh viên;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó Hiệu trưởng hoặc Trưởng phòng Đào tạo và Công

tác sinh viên;

c) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó phòng Đào tạo và Công tác sinh viên;

d) Các ủy viên: một số Trưởng/Phó phòng, Trưởng/Phó khoa, các điều phối viên của các chương trình đào tạo liên quan và cán bộ công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh:

- a) Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã được phê duyệt;
- b) Giải quyết thắc mắc, khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;
- c) Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển;
- d) Quyết định mức điểm trúng tuyển dựa trên khuyến nghị của Ban xét tuyển;
- e) Tổng kết công tác tuyển sinh và quyết định các trường hợp đặc biệt (nếu có);
- f) Tổ chức thực hiện đồng bộ trên phần mềm quản lý tuyển sinh; báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan hữu quan khi được yêu cầu.

g) Điều chỉnh kế hoạch tuyển sinh hoặc trì hoãn/hủy bỏ một phương thức tuyển sinh trong trường hợp bất khả kháng.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường:

- a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh bậc đại học của Trường;
- b) Báo cáo với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng có liên quan về công tác tuyển sinh của Trường;
- c) Thành lập các Ban công tác giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh để triển khai công tác tuyển sinh.

4. Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh: thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch phân công và thay mặt Chủ tịch giải quyết công việc khi Chủ tịch ủy quyền.

Điều 14. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có:

- a) Trưởng ban do Ủy viên thường trực của Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm;
- b) Các ủy viên: một số cán bộ phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, phòng Tiếp thị và Tuyển sinh, Trợ lý của các khoa, cán bộ công nghệ thông tin và các cán bộ khác được giao nhiệm vụ (nếu có).

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:

- a) Công bố các thông tin liên quan đến hồ sơ, thời gian và địa điểm đăng ký dự thi trên trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;

- b) Kiểm tra hồ sơ thí sinh và thu các lệ phí thi tuyển;
- c) Nhập thông tin tuyển sinh của Trường vào phần mềm xét tuyển của MoET;
- d) Tổ chức thi tuyển đầu vào (đặt đề thi TestAS, bố trí phòng thi, phương tiện di chuyển, phân công nhiệm vụ trong những ngày thi, v.v...);
- e) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển;
- f) Gửi Giấy báo trúng tuyển chính thức hoặc có điều kiện cho các thí sinh trúng tuyển;
- g) Gửi thông báo và kết quả thi (nếu có) cho các thí sinh không trúng tuyển;
- h) Nhận và kiểm tra hồ sơ nhập học của các thí sinh trúng tuyển theo các quy định hiện hành của MoET;
- i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giao.

Điều 15. Ban coi thi

1. Ban coi thi bao gồm các giảng viên, trợ giảng, nghiên cứu sinh và cán bộ hành chính làm việc toàn thời gian tại Trường Đại học Việt Đức.

Trong trường hợp không có đủ giảng viên, trợ giảng, nghiên cứu sinh và cán bộ hành chính làm việc toàn thời gian tại VGU phục vụ công tác coi thi và giám sát kỳ thi tuyển sinh, sinh viên các năm ba và năm tư có thể được huy động tham gia thực hiện nhiệm vụ này. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định phân công nhân sự tham gia Ban coi thi.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban coi thi: nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn coi thi do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ban hành.

Điều 16. Ban xét tuyển

1. Ban xét tuyển bao gồm: Trưởng ban do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm, Trưởng/Phó phòng, các cán bộ khảo thí và phụ trách học bổng của Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban xét tuyển:

- a) Kiểm tra kết quả kỳ thi tuyển sinh;
- b) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình Hội đồng tuyển sinh phê duyệt;
- c) Đề xuất cấp học bổng tài năng cho sinh viên trúng tuyển theo chỉ tiêu xác định tại Quy định về học bổng tài năng bậc đại học của Trường Đại học Việt Đức./.

PHỤ LỤC 1**Bảng quy đổi điểm tương đương của các dạng thi tiếng Anh**

Khung tham chiếu châu Âu (CEFR)	onSET (8 phần)	IELTS (Học thuật)	TOEFL iBT	PTE học thuật	Cambridge English (FCE, CAE, CPE)	Aptis tổng quát / Aptis cho học sinh
B1	71 - 97	5	42 - 45	38 – 41	155 - 159	125 - 152/ 125 - 158
B2	98 - 109	5,5	46 - 59	42 – 49	160 - 165	153 – 183/ 159 - 186
	110 - 123	6	60 - 78	50 – 57	166 - 172	
	124 - 133	6,5	79 - 93	58 – 64	173 - 179	
C1	134 - 140	7	94 - 101	65 – 72	180 - 192	184 – 200/ 187 - 200
	141 - 148	7,5	102 - 109	73 – 78	193 - 199	
C2	149 - 153	8	110 - 114	79 – 82	200 - 212	
	154 - 156	8,5	115 - 117	83 – 85	213 - 219	
	157 - 160	9	118 - 120	86 – 90	220 – 230	

Lưu ý: Chứng chỉ Aptis chỉ được sử dụng cho mục đích đánh giá trình độ tiếng Anh đầu vào (tham khảo Điều 5).

PHỤ LỤC 2**Danh sách các quốc gia sử dụng Tiếng Anh làm ngôn ngữ chính thức**

<ul style="list-style-type: none">• Anguilla• Antigua and Barbuda• Australia• Bahamas• Barbados• Belize• Bermuda• Botswana• The British Virgin Islands• Cameroon• Canada (except Quebec)• Cayman Islands• Dominica• England• Fiji• Gambia• Ghana• Gibraltar• Grenada• Guyana• Ireland, Northern• Ireland• Jamaica• Kenya• Kiribati• Lesotho• Liberia• Malawi• Malta	<ul style="list-style-type: none">• Mauritius• Montserrat• Namibia• New Zealand• Nigeria• Papua New Guinea• St. Kitts and Nevis• St. Lucia• St. Vincent and the Grenadines• Scotland• Seychelles• Sierra Leone• Singapore• Solomon Islands• South Africa• Swaziland• Tanzania• Tonga• Trinidad and Tobago• The Turks and Caicos Islands• Uganda• United Kingdom• United States of America• Vanuatu• Wales• Zambia• Zimbabwe
---	---

PHỤ LỤC 3**Danh sách bằng/chứng chỉ tốt nghiệp trung học phổ thông
được công nhận theo quốc gia**

QUỐC GIA	BẰNG/CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP THPT
A	
Úc (theo bang/lãnh thổ)	Australian Capital Territory Year 12 Certificate/ACT
	-New South Wales NSW Higher School Certificate
	-Northern Territory Certificate of Education
	-Queensland Senior Certificate
	-South Australia Certificate of Education
	-Tasmania Certificate of Education
	-Victoria Higher School Certificate/VCE
	-Western Australia Western Australia Certificate of Education
B	
Bangladesh	Higher Secondary Certificate
Belgium	Certificat d'Enseignement Secondaire Supérieur/Getuigschrift van Hoger Secundair Onderwijs
Bulgaria	Diploma za Zavurcheno Sredno Obrazovanie
C	
Canada (theo tỉnh)	-Alberta -Advanced High School Diploma
	-British Columbia - Secondary School Graduation Diploma (Dogwood Diploma)
	-Manitoba - Manitoba High School Diploma
	-New Brunswick- New Brunswick High School Graduation Diploma
	-Newfoundland and Labrador - Provincial High School Graduation Diploma
	-Northwest Territories - High School Graduation Diploma
	-Nova Scotia - Nova Scotia High School Graduation Diploma
	-Ontario - Ontario Secondary School Diploma
	-Prince Edward Island - Senior Secondary School Diploma
	-Quebec - Diplome d'etudes secondaire (DES) and Diplome d'etudes collegiales (DEC) or Certificate of Graduation (DES plus Grade 12)
	-Saskatchewan - Secondary School Diploma
	-Yukon - Yukon High School Diploma

Cambodia	Diploma of Upper Secondary Education
D	
Denmark	Bevis for Studentereksamen, Hojere Forberedelseksamen or Hojere Handelseksamen
E	
Ethiopia	General Secondary School Certificate
F	
Finland	Ylioppilastutkintotodistus or Studentbexamensbetyg
France	Baccalauréat
G	
Germany	Abitur, Fachhochschulreife or Zeugnis der Allgemeinen Hochschulreife
Greece	Apolyterion Eniaiou Lykeiou
H	
Hong Kong	Hong Kong Certificate of Education + Hong Kong Advanced Level Certificate or Hong Kong Diploma of Secondary Education
I	
India	Senior School Certificate, Pre-University Certificate or Pre-Degree Certificate
Indonesia	Surat Tanda Tamat Belajar or Sekolah Menengah Unum Tingkat Atas
Italy	Diploma di Maturita / Diploma di Esame di Stato
J	
Japan	Upper Secondary School Leaving Certificate
K	
Kazakhstan	Atestat o Srednem Obrazovanii (Certificate of Secondary General Education)
Korea	Kodung Hakkyo (Korean Senior Secondary School Certificate of Graduation)
L	
Laos	High school diploma
M	
Malaysia	STPM (Sijil Tinggi Pelajaran Malaysia)/Advanced Level Exams
Myanmar	Matriculation Examination Pass Certificate
N	
Nepal	Higher Secondary Education Board (Migration) Certificate
Netherlands	Voorbereidend Wetenschappelijk Onderwijs Certificate or Hoger Algemeen Voortgezet Onderwijs

New Zealand	National Certificate of Educational Achievement Level 3
Nigeria	WAEC Senior School Certificate
P	
Pakistan	Higher Secondary Certificate
Philippines	12 Year Secondary School Graduation
Poland	Swiadectwo Dojrzalosci
R	
Romania	Maturity Certificate or Diploma de Bacalaureat
Russian Federation	Attestat/Certificate of (complete) General Secondary Education
S	
Scotland	Scottish Qualifications Authority Certificate (SQA) or Scottish Certificate of Education at the Higher Level
Singapore	Advanced Level Exams
South Africa	National Senior Certificate
Spain	Bachillerato/Titulo de Bachiller
Switzerland	Maturity Certificate
T	
Taiwan (Rep. of China)	Senior High School Leaving Diploma
Thailand	Certificate of Secondary Education (Matayom VI)
Turkey	Lise Diplomasi
U	
United Kingdom	Advanced Level Exams
United States of America (theo bang)	High School Diploma

No.: 281/QĐ-ĐHVĐ

Binh Duong, November 01, 2021

DECISION

On issuing the Admission Regulation for Undergraduate Study Programs

THE PRESIDENT OF VIETNAMESE – GERMAN UNIVERSITY

Pursuant to Decision No. 1196/QĐ-TTg dated 1st September 2008 of the Prime Minister on the establishment of Vietnamese-German University;

Pursuant to Decision No. 890/QĐ-TTg dated 19th June 2017 of the Prime Minister on issuing the Charter of organization and operation of Vietnamese-German University;

Pursuant to Circular No. 09/2020/TT-BGDĐT dated 7th May 2020 of the Minister of Education and Training promulgating the Admission regulation for undergraduate level; college level for kindergarten education;

Based on the approval of the Academic Senate of Vietnamese-German University on the 15th meeting dated 18th August 2021;

At request of the Head of Academic and Student Affairs Department,

DECIDES:

Article 1. To issue with this Decision the Admission Regulation for Undergraduate Study Programs of Vietnamese – German University in academic year 2022 – 2023.

Article 2. This Decision is forced right after approval and replaces Decisions No. 363/QĐ-ĐHVĐ dated 16th December 2020 of the President of Vietnamese-German University on issuing the Admission Regulation for Undergraduate Study Programs.

Article 3. Head of Academic and Student Affairs Department, Head of Marketing and Student Recruitment Department, Head of Finance - Accounting, Head of Language Center and Foundation Year, Head of Information Technology Department, Deans of Faculty, Study Program Coordinators and relevant units are responsible for implementing this Decision../.

Recipients:

- As Article 3;
- Archive: PBO, ASA.

**ON BEHALF OF THE PRESIDENT
VICE PRESIDENT**

Ha Thuc Vien

ADMISSION REGULATION FOR UNDERGRADUATE STUDY PROGRAMS OF VIETNAMESE-GERMAN UNIVERSITY

*(Promulgated together with Decision No. 281/QĐ-ĐHVD dated November 01, 2021 of
the President of the Vietnamese-German University)*

Article 1. Scope of regulation

This admission regulation specifies admission modes and selection procedures, eligible applicants, admission requirements, priority policies; rights and responsibilities of Examination Committee and supporting boards for the entrance admission of full-time undergraduate study programs at the Vietnamese-German University (VGU).

Article 2. Undergraduate study programs

1. The following full-time undergraduate study programs are currently offered at VGU:

- a) Computer Science (CSE) – Code 7480101;
- b) Electrical and Computer Engineering (ECE) – Code 7520208;
- c) Mechanical Engineering (MEN) – Code 7520103;
- d) Civil Engineering (BCE) – Code 7580201;
- e) Architecture (ARC) – Code 7580101;
- f) Business Administration (BBA) – Code 7340101;
- g) Finance and Accounting (BFA) – Code 7340202;
- h) Environmental and Process Engineering (EPE) - Code 7520320.

2. Applicants are admitted and enrolled annually for the Winter semester.

Article 3. Eligible Applicants

Eligible applicants must satisfy the following conditions:

- Applicants who have graduated or will graduate in the admission year (being in grade 12) from Vietnamese or international high schools;
- Meet the admission requirements of VGU and Ministry of Education and Training (MoET).

Article 4. Modes of admission

1. Admission is carried out via the following modes:

a) **Mode 1 (TestAS):** based on entrance examination (TestAS) and regularly carried out in May every year. The admission quota of Mode 1 is up to 70% of each study program. Applicants could submit valid TestAS certificates appropriate to applied study programs to substitute the VGU entrance examination.

b) **Mode 2 (High school Transcript):** Selection based on the high school results of

those who will graduate from Vietnamese high schools in the admission year.

c) **Mode 3 (Direct admission)**: Direct admission for applicants having excellent academic achievements including provincial/national prizes or participation in international high school competitions.

d) **Mode 4 (International high school degrees/certificates)**: Selection formality for applicants having recognized international high school diplomas (IBD, AS/A-Level, IGCSE, WACE...) or certificates of international aptitude tests (SAT, TestAS...).

e) **Mode 5 (High school Graduation Exam)**: Selection based on the high school results of those who will graduate from Vietnamese high schools.

2. Applicants are entitled to take part in several modes of admission but must follow the admission and enrollment timeline for each mode. For applicants who participate in several modes, the admission and merit scholarships for each mode are offered independently. Enrolled applicants are not eligible for admission by another mode except in the case of changing study programs.

3. The admission procedure and requirements for each mode of admission are specified respectively in Article 6, 7, 8, 9 and 10.

4. Admitted applicant will receive the following documents:

- An admission letter or a conditional admission letter signed by the Chairman of Examination Committee with the tuition fee, deadline for enrollment and merit scholarship information (if any). The conditional admission letter is offered to applicants who have not graduated yet from the high school.

- An Enrollment instruction of VGU.

5. Admitted applicants are required to submit the High school graduation certificate, the original copy of the High School Graduation Exam result with barcode (not required for applicants from international high school programs) and other mandatory documents (in accordance with the Enrollment instruction) during the period of enrollment. Applicants who do not pass the High School Graduation Exam are not entitled to enroll in VGU.

6. Unsuccessful applicant will receive a notice and his/her entrance examination result (if any).

Article 5. English proficiency requirement for admission

1. Applicants are required to satisfy one of the following requirements for entrance English proficiency:

- Have a valid international English certificate at least equivalent to IELTS Academic 5.0 (or TOEFL iBT 42) at the application time; or
- Achieve at least 71 points in the “onSET” test; or
- Achieve at least 7.5 points (grading scale of 10 points) of the average English score in Grades 10, 11 and 1st semester of Grade 12, only applicable for Mode 2. Exceptional cases shall be considered and decided by the Examination Committee; or

- Achieve English score resulting from the High School Graduation Exam of the admission year of at least 7.5 points (grading scale of 10 points) (only applicable for Mode 5).
2. The following cases are exempted from the requirement in Clause 1:
- Applicants from one of the countries where English is an official language according to the list provided in Annex 2.
 - Graduates from international high school programs where the language of instruction and examination is English.

Article 6. Admission procedure and requirements for Mode 1 (TestAS)

1. Application:

Applicants are required to complete the application form and submit the following mandatory documents (scanned copy or photo) through VGU's online application system (<https://apply.vgu.edu.vn>):

- Personal identity card/passport;
- Only required for applicants who have graduated from high school: the academic record of Grade 12 and the High school graduation certificate.
- Valid English certificate (if any).

2. Conditions for participating in the entrance examination:

Applicant with valid online documents will receive the notification of entrance examination fee including TestAS fee and English test fee (if required). The TestAS fee of 1,500,000 VND is only refundable if the applicant submits the valid substituted certificates (such as SAT, TestAS...) at least 2 weeks prior to the entrance exam date. If applicants must take the English test (onSET), the test fee is 250,000 VND/test.

Applicants are required to pay the entrance examination fee to be invited to the entrance examination. The invitation letter will include detailed information on the day of entrance examination, time and place of exam, permitted aids and other concerning matters.

Applicants have to bring the following documents on the day of the entrance examination:

- a) Personal identity card/passport;
- b) The invitation letter (hard copy) to the VGU entrance examination.

3. Entrance examination subjects and total score:

- a) Applicants are required to take the written tests (TestAS) including two component tests: a core-test and subject-specific test. The subject-specific test is as follows:
 - For CSE: Mathematics, Computer Science, and Natural Sciences module;
 - For ECE, MEN, BCE, EPE and ARC: Engineering module;
 - For BFA, BBA: Economics module.

The subject-specific test only grants admission to the relevant study program(s). Applicants could submit valid TestAS certificates appropriate to applied study programs to substitute the VGU entrance examination.

- b) The total score of the VGU entrance examination or the total score of a valid TestAS certificate is calculated from the two component tests in the following ratio:

40% of the core test and 60% of the subject-specific test;

4. Requirements for admission:

Applicants will be admitted if they meet all of the following requirements:

- a) Satisfy English requirements as stipulated in Clause 1, Article 5;
- b) Both component tests (core test and subject-specific test) must be at least 90 points;
- c) Total score of the VGU entrance examination or total score of a valid TestAS certificate must be greater than or equal to VGU Admission scores for each study program which are decided by the Examination Committee based on the number of applicants that fulfill the conditions mentioned in Points a, b of this Clause and the admission quota. The Admission scores are greater than or equal to minimum threshold point of 90 points.

5. Applicants are ranked based on their total scores of the entrance examination, from highest to lowest. If the number of qualified applicants is greater than the admission quota, and the last ranked applicants have equal total scores, those with higher English score will be given the priority for admission. The equivalency of different English language test scores is shown in detail in the Annex 1 of this regulation. If their English scores are also equal, then the applicants with higher subject-specific score will be given the priority for admission. The official admission list with ranking will be approved by the Examination Committee.

6. If an offered admission letter is declined, the Examination Committee could reallocate the admission list on the basis of the ranking drawn up (if any) in accordance with Clause 5 of this Article.

Article 7. Admission procedure and requirements for Mode 2 (High school Transcript)

1. Mode 2 is only applicable for applicants who will graduate from Vietnamese high schools in the admission year.

2. Applicants are required to complete the application form and submit the following mandatory documents (scanned copy or photo) through VGU's online application system (<https://apply.vgu.edu.vn>):

- Personal identity card/passport;
- Authorized official High school academic records (Grades 10, 11 and 1st semester of Grade 12) verified by the relevant high school;
- Valid certificate or evidence of provincial/national high school prizes (if any);
- Valid English certificate (if any).

3. Based on the high school academic records (Grades 10, 11 and 1st semester of Grade 12), the total average score is calculated from the average score of 6 subjects:

Mathematics, Physics, Chemistry, Biology, Vietnamese Literature and foreign language (normally English) by the following methods:

Abbreviations of subjects' average score:

- Mathematics 10: M_{10}
- Mathematics 11: M_{11}
- Mathematics 12: M_{12}
- Physics 10: P_{10}
- Physics 11: P_{11}
- Physics 12: P_{12}
- Chemistry 10: C_{10}
- Chemistry 11: C_{11}
- Chemistry 12: C_{12}
- Biology 10: B_{10}
- Biology 11: B_{11}
- Biology 12: B_{12}
- Literature 10: L_{10}
- Literature 11: L_{11}
- Literature 12: L_{12}
- English 10: E_{10}
- English 11: E_{11}
- English 12: E_{12}

- For CSE, ECE, MEN, BCE, EPE and ARC:

$$\begin{aligned} & \textit{Total average score} \\ = & 75\% \times \left(\frac{M_{10} + M_{11} + M_{12} + P_{10} + P_{11} + P_{12} + E_{10} + E_{11} + E_{12}}{9} \right) \\ & + 25\% \times \left(\frac{C_{10} + C_{11} + C_{12} + B_{10} + B_{11} + B_{12} + L_{10} + L_{11} + L_{12}}{9} \right) \end{aligned}$$

- For BFA, BBA:

$$\begin{aligned} & \textit{Total average score} \\ = & 66,7\% \times \left(\frac{M_{10} + M_{11} + M_{12} + E_{10} + E_{11} + E_{12}}{6} \right) \\ & + 33,3\% \times \left(\frac{P_{10} + P_{11} + P_{12} + C_{10} + C_{11} + C_{12} + B_{10} + B_{11} + B_{12} + L_{10} + L_{11} + L_{12}}{12} \right) \end{aligned}$$

- Additional points: Applicants having won prizes (1st, 2nd or 3rd) in provincial/national high school competitions of the subjects of Mathematics, Physics, Chemistry, Biology, Vietnamese Literature, foreign language (English, French) and Informatics are given 0.5 additional points to the total average score.

4. The total average score is rounded to two (02) decimal places. Applicants must satisfy the following requirements to be eligible for the selection:

- a) The overall GPAs of all Grades 10, 11 and 1st semester of Grade 12 must be at least 7.0;
- b) The total average score, including additional points as stipulated in Clause 3 this Article must be at least 7.5;
- c) Satisfy the English requirements as stated in Article 5 of this Regulation.

5. The Examination Committee will decide the admission score according to the

applicants' ranking, based on the total average score and admission quota. If the number of qualified applicants is higher than the admission quota and the last ranked applicants have equal scores, those with higher entrance English scores will be given the priority for admission. The equivalency of different English language test scores is shown in detail in Annex 1 of this Regulation.

Article 8. Admission procedure and requirements for Mode 3 (Direct admission)

1. Applicants having excellent academic achievements could apply for a direct admission during the application period. Applicants are required to complete the application form and submit the following mandatory documents (scanned copy or photo) through VGU's online application system (<https://apply.vgu.edu.vn>):

- Personal identity card/passport;
- Valid certificate or evidence of the academic achievement;
- Valid English certificate (if any).

2. Eligible applicants must belong to one of the types below:

a) Being a member of the National team in the competition "International Olympiad" for the high school, following by one of these subjects: Mathematics, Physics, Chemistry, Informatics or winning the 1st, 2nd, 3rd prize in the high-school competition "Asian – Pacific Olympiad" in the subjects of Mathematics, Physics or Informatics. These candidates are entitled to rights as the ones won the 1st prize in Vietnam National High school competition which is stated under Point b of this Clause.

b) Winning the 1st, 2nd, 3rd or Consolation prize in the Vietnam National High school competition or in the Provincial High school competition in subjects appropriate with applied study programs:

- For CSE, ECE, MEN, BCE, EPE and ARC: accepted of the subjects of Mathematics, Physics, Chemistry and Informatics;
- For BFA, BBA: accepted of the subjects of Mathematics, Physics, Chemistry, Informatics, English, French and Literature.

c) Being a member of the National team in the International Science and Engineering Fair (ISEF) or winning the 1st, 2nd, 3rd prize of the Vietnam National Competition of Science and Technology. The project result or research of candidate has to relate with VGU's study programs, following the Article 2.

The validation of the certificate or evidence of attending or winning those above mentioned competitions will be reserved until the end of high school graduation year of applicants.

3. Applicants must satisfy the English requirements as stated in Clause 1, Article 5. If applicants must take the English onSET test, the test fee is 250.000 VND per test. If applicants apply for a direct admission after taking the High school Graduation Exam in the admission year, they could use the English score from the High School Graduation Exam for an exemption of English test (if qualified).

Article 9. Admission procedure and requirements for Mode 4 (International high school degrees/certificates)

1. Applicants are required to complete the application form and submit the following mandatory documents (scanned copy or photo) through VGU's online application system (<https://apply.vgu.edu.vn>):

- Personal identity card/passport;
- High school academic records (Grades 10, 11 and 12);
- Recognized international high school diplomas (IBD, AS/A-Level, IGCSE, WACE ...) or certificates of international aptitude tests (SAT, TestAS...);
- Valid English certificate (if any).

The original documents in Vietnamese or English language are accepted, otherwise certified translated copies are required. The international high school diplomas or certificates of international aptitude tests eligible for this admission mode must be issued within 3 years until the date of application. For the diplomas/certificates issued over 3 years, the applicants are considered for admission according to the admission process for transferring university (Article 11).

2. Applicants must satisfy the English requirements as stated in Clause 1, Article 5.

3. The admission score and the subject specific requirements for different certificates/diplomas are as follows:

No.	Certificates/ Granted organizations	Admission score	Subject specific requirements of certificate	Notes
1	SAT (Scholastic Assessment Test)/ College Board	1150	–	Admission score is based on total point.
2	IBD (International Baccalaureate Diploma)/ IB Organization	28	–	Admission score is based on total point of 6 subjects.
3	AS/A-Level (International Advanced Levels)/ Cambridge; Pearson Edexcel	3 A-Level subjects with an average from 70% (2 AS-Level subjects equivalent to 1 A-Level subject)	• Engineering programs (CSE, ECE, MEN, BCE, ARC): Mathematics and at least 1 science subject.	Grades: A*: 90-100 A: 80 – 89 B: 70 – 79 C: 60 – 69 D: 50 – 59 E: 40 – 49

4	IGCSE (International General Certificate of Secondary Education) and A-Level/ Cambridge; Pearson Edexcel;	3 IGCSE subjects and 2 A-Level subjects with an average from 70%	<ul style="list-style-type: none"> Economic programs (BBA, BFA): Mathematics and at least 1 science or social science subject. 	Grades: A*: 90-100 A: 80 – 89 B: 70 – 79 C: 60 – 69 D: 50 – 59 E: 40 – 49
5	WACE (Western Australian Certificate of Education)/ Western Australia School Curriculum and Standards Authority	3 ATAR subjects with an average combined score from 70%		ATAR: Australian Tertiary Admission Rank
6	TestAS (Test for Academic Studies)/ TestDaF Institute	Total score must be at least 90 points, without any component tests are lower than 90 points.	Stipulated in Clause 3, Article 6.	
7	Recognized international high school diplomas (list provided in Annex 3)	Overall GPA of high school diploma from 70%	-	

4. For applicants applying with international high school diplomas, the list of the recognized diplomas by country is provided in Annex 3. An applicant with the overall graduating GPA lower than 70% but being at the top of class rank could be considered for an admission by the Examination Committee on a case-by-case basis.

Article 10. Admission procedure and requirement for Mode 5 (High school Graduation Exam)

1. Application:

Applicants are required to complete the application form and submit the following mandatory documents (scanned copy or photo) through VGU's online application system (<https://apply.vgu.edu.vn>):

- Personal identity card/passport;
- The official or temporary High school graduation certificate;
- The result of High School Graduation Exam of the applied admission subject groups announced by the relevant authorities;
- Valid English certificate (if any)

If applicants must take the English onSET test, the test fee is 250.000 VND per test.

2. Admission subject groups (admission blocks):

Applicants can use the result of the High school Graduation Exam within 3 years from the current admission year for application. Applicants must apply by the result of the High School Graduation Exam following the related admission subject groups (admission blocks) specified for the study programs as follows:

Programs	Admission subject groups (admission blocks)
CSE, ECE, MEN and BCE	Mathematics, Physics, Chemistry (A00) Mathematics, Physics, English (A01) Mathematics, Chemistry, English (D07)
BFA and BBA	Mathematics, Physics, Chemistry (A00) Mathematics, Physics, English (A01) Mathematics, Vietnamese Literature, English (D01) Mathematics, Vietnamese Literature, French (D03) Mathematics, Vietnamese Literature, German (D05)
ARC	Mathematics, Physics, Chemistry (A00) Mathematics, Physics, English (A01) Mathematics, Physics, Artistic Drawing (V00) Mathematics, English, Artistic Drawing (V02)
EPE	Mathematics, Physics, Chemistry (A00) Mathematics, Physics, English (A01) Mathematics, Chemistry, English (D07) Mathematics, Chemistry, Biology (B00)

Applicants can use the result of Artistic Drawing test taken at other universities for application in the prescribed groups (V00/V02).

3. Requirements for admission:

Applicants will be admitted if they meet the following requirements:

a) The total score of three (03) subjects of the applied admission block (without multiplication factors), including the bonus points stipulated by the MoET must be equal to or higher than the VGU Admission score by admission block by program. The VGU Admission scores are decided by the Examination Committee based on the actual situation of the admission year.

b) Satisfy English requirements as stipulated in Clause 1, Article 5. The results of exemption of language subject (English/French/German) in recognition of high school graduation are not used for calculation of total score of the related admission blocks (block A01, D01, D03, D05, D07). For applicants who entitled for the exemption of language subject in High School Graduation Exam, the average score of language subject in 3 years of high school will be used for calculation of the total score of the related admission blocks only in case which the score of language subject in High

School Graduation Exam is not existed. This average score of language subject is not used to consider the exemption of English requirement as stipulated in Clause 1, Article 5. The related applicants must submit additionally the academic records of Grade 10, 11, 12 for evaluation.

4. Applicants are ranked according to the total score of three (03) subjects of the admission blocks and admitted according to the requirements outlined in Clause 3 of this Article. If the number of qualified applicants is greater than the admission quota and the last ranked applicants have equal scores, those with higher English scores will be given the priority for admission. The equivalency of different English language test scores is shown in detail in Annex 1. The official admission list with ranking will be approved by the Examination Committee.

5. If an offered admission letter is declined, the Examination Committee could reallocate the admission list on the basis of the ranking drawn up in accordance with Clause 4 of this Article.

Article 11. Admission procedure and requirements for transferring university

1. Applicants are required to complete the application form and submit the following mandatory documents (scanned copy or photo) through VGU's online application system (<https://apply.vgu.edu.vn>):

- Personal identity card/passport;
- High school academic records (Grades 10, 11 and 12);
- High school graduation certificate (including exam results);
- Academic records at another university;
- Certificates of international aptitude tests (SAT, TestAS...) (if any);
- Valid English certificate (if any).

2. Applicants will be admitted if they meet the following requirements:

- The study program which applicants apply to VGU must be closed to their current study program;
- The applicants must have the scores of high school diplomas or international degrees/certificates equal to or higher than the admission scores at VGU in the respective admission year;
- Applicants must be neither under disciplinary suspension nor expelled from their current university.

3. Admitted transfer applicants can apply for credit recognition of the completed modules at another university that will be considered and decide by the Academic Coordinator of the corresponding study program on a case-by-case basis. The admitted transfer applicants are not eligible for merit scholarships.

Article 12. Committee and boards

In order to perform the tasks of the entrance examination, the Presidential Board of VGU will establish an examination committee and some assistance boards. The responsibilities and rights of these committee and boards are defined in Articles 13, 14,

15 and 16.

Those whose family members (spouses, children, parents, and siblings of husband/wife) take part in the entrance examination are not allowed to participate in the Examination Committee and boards that year.

Article 13. Examination Committee

1. The Examination Committee consists of:
 - a) Chairman: President or Vice President for Academic and Student Affairs;
 - b) Vice-Chairman: Vice President or Head of the Department of Academic and Student Affairs;
 - c) Standing member: Head or Deputy Head of the Department of Academic and Student Affairs;
 - d) Other members: some department heads, deans, academic coordinators of relevant study programs and IT staff.

2. Responsibilities and rights of the Examination Committee:
 - a) To implement the admission modes which have been approved;
 - b) To respond to questions, complaints or protests related to student recruitment;
 - c) To collect and use examination and application fees;
 - d) To decide the admission scores based on the recommendations of the Admission Board;
 - e) To make conclusion about the examination and to make decision on special cases, if any;
 - f) To use appropriate entrance examination management software; to promptly report the results of the entrance examination and student recruitment to the MoET and other relevant managing bodies when needed.
 - g) To adjust the admission plan or postpone/cancel an admission mode in case of a force majeure.

3. Responsibilities and rights of the Chairman:
 - a) To implement and be responsible for the undergraduate's student recruitment;
 - b) To promptly report the results of the entrance examination and student recruitment to the MoET and other relevant managing bodies;
 - c) To establish assistance boards for the Examination Committee in order to carry out the student recruitment.

4. Vice-Chairman: to implement the responsibilities assigned by the Chairman and carry out the tasks on behalf of the Chairman when delegated by the Chairman.

Article 14. Secretary Board

1. The Secretary Board consists of:
 - a) Head of the Board: The standing member of the Examination Committee;
 - b) Other members: some staff from the Department of Academic and Student Affairs, Department of Marketing and Student Recruitment, faculty assistants; IT staff and other assigned staff (if any).

2. Responsibilities and rights of the Secretary Board:

- a) To announce all information about required application documents, time and venue of the entrance examination to applicants on the university's website and other public media;
- b) To double check the application documents and collect examination fees;
- c) To upload the information about student recruitment to the admission selection software of the MoET;
- d) To organize entrance examination (including order of TestAS booklet, arrangement of exam rooms, transportation and tasks during the examination dates, etc.);
- e) To make a list of admitted candidates;
- f) To send official or conditional admission letters to successful applicants;
- g) To send notice and entrance examination result (if any) to unsuccessful applicants;
- h) To collect and double check the enrollment documents of admitted applicants based on existing regulations of the MoET;
- i) To carry out other tasks assigned by the Examination Committee's Chairman.

Article 15. Observing Board

1. The Observing Board consists of lecturers, RTAs, doctoral students and administrative staff working full-time at VGU.

In case that there are not enough VGU full-time working lecturers and staff to observe the entrance examination, it is possible to ask VGU senior students to do this task. The decision on assigning people to the Observing Board is made by the Chairman of the Examination Committee of VGU.

2. Responsibilities and rights of the Observing Board: Follow seriously Observer Guidelines issued by the Chairman of the Examination Committee.

Article 16. Admission Board

1. The Admission Board consists of: Head of the Board is the Chairman of the Examination Committee, Head/Deputy Head, examination officer(s) and scholarship officer(s) from the Department of Academic and Student Affairs.

2. Responsibilities and rights of the Admission Board:

- a) To double check the results of the entrance examination;
- b) To calculate the admission scores and recommend them to the Examination Committee for their final decision;
- c) To propose merit scholarships for admitted applicants according to the quota stipulated in the Merit Scholarships Regulation for Undergraduate Study Programs of the Vietnamese–German University./.

ANNEX 1

English language test scores equivalency table

CEFR level	onSET (8 textes)	IELTS (Academic)	TOEFL iBT	PTE Academic	Cambridge English (FCE, CAE, CPE)	Aptis General/ Aptis for Teens
B1	71 - 97	5	42 - 45	38 - 41	155 - 159	125 - 152/ 125 - 158
B2	98 - 109	5,5	46 - 59	42 - 49	160 - 165	153 - 183/ 159 - 186
	110 - 123	6	60 - 78	50 - 57	166 - 172	
	124 - 133	6,5	79 - 93	58 - 64	173 - 179	
C1	134 - 140	7	94 - 101	65 - 72	180 - 192	184 - 200/ 187 - 200
	141 - 148	7,5	102 - 109	73 - 78	193 - 199	
C2	149 - 153	8	110 - 114	79 - 82	200 - 212	
	154 - 156	8,5	115 - 117	83 - 85	213 - 219	
	157 - 160	9	118 - 120	86 - 90	220 - 230	

Notice: The Aptis certificates are only acceptable for the qualification of entrance English proficiency (refer to Article 5).

ANNEX 2

List of countries where English is an official language

<ul style="list-style-type: none"> • Anguilla • Antigua and Barbuda • Australia • Bahamas • Barbados • Belize • Bermuda • Botswana • The British Virgin Islands • Cameroon • Canada (except Quebec) • Cayman Islands • Dominica • England • Fiji • Gambia • Ghana • Gibraltar • Grenada • Guyana • Ireland, Northern • Ireland • Jamaica • Kenya • Kiribati • Lesotho • Liberia • Malawi • Malta 	<ul style="list-style-type: none"> • Mauritius • Montserrat • Namibia • New Zealand • Nigeria • Papua New Guinea • St. Kitts and Nevis • St. Lucia • St. Vincent and the Grenadines • Scotland • Seychelles • Sierra Leone • Singapore • Solomon Islands • South Africa • Swaziland • Tanzania • Tonga • Trinidad and Tobago • The Turks and Caicos Islands • Uganda • United Kingdom • United States of America • Vanuatu • Wales • Zambia • Zimbabwe
---	---

ANNEX 3

List of recognized High school diploma/certificate by country

COUNTRY	HIGH SCHOOL DIPLOMA/CERTIFICATE
A	
Australia by State/Territory	Australian Capital Territory Year 12 Certificate/ACT
	-New South Wales NSW Higher School Certificate
	-Northern Territory Certificate of Education
	-Queensland Senior Certificate
	-South Australia Certificate of Education
	-Tasmania Certificate of Education
	-Victoria Higher School Certificate/VCE
	-Western Australia Western Australia Certificate of Education
B	
Bangladesh	Higher Secondary Certificate
Belgium	Certificat d'Enseignement Secondaire Supérieur/Getuigschrift van Hoger Secundair Onderwijs
Bulgaria	Diploma za Zavurcheno Sredno Obrazovanie
C	
Canada by Province	-Alberta -Advanced High School Diploma
	-British Columbia - Secondary School Graduation Diploma (Dogwood Diploma)
	-Manitoba - Manitoba High School Diploma
	-New Brunswick- New Brunswick High School Graduation Diploma
	-Newfoundland and Labrador - Provincial High School Graduation Diploma
	-Northwest Territories - High School Graduation Diploma
	-Nova Scotia - Nova Scotia High School Graduation Diploma
	-Ontario - Ontario Secondary School Diploma
	-Prince Edward Island - Senior Secondary School Diploma
	-Quebec - Diplome d'etudes secondaire (DES) and Diplome d'etudes collegiales (DEC) or Certificate of Graduation (DES plus Grade 12)
	-Saskatchewan - Secondary School Diploma
	-Yukon - Yukon High School Diploma
Cambodia	Diploma of Upper Secondary Education
D	
Denmark	Bevis for Studentereksamen, Hojere Forberedelseksamen or Hojere Handelseksamen
E	
Ethiopia	General Secondary School Certificate

F	
Finland	Ylioppilastutkintotodistus or Studentbexamensbetyg
France	Baccalauréat
G	
Germany	Abitur, Fachhochschulreife or Zeugnis der Allgemeinen Hochschulreife
Greece	Apolyterion Eniaiou Lykeiou
H	
Hong Kong	Hong Kong Certificate of Education + Hong Kong Advanced Level Certificate or Hong Kong Diploma of Secondary Education
I	
India	Senior School Certificate, Pre-University Certificate or Pre-Degree Certificate
Indonesia	Surat Tanda Tamat Belajar or Sekolah Menengah Unum Tingkat Atas
Italy	Diploma di Maturita / Diploma di Esame di Stato
J	
Japan	Upper Secondary School Leaving Certificate
K	
Kazakhstan	Atestat o Srednem Obrazovanii (Certificate of Secondary General Education)
Korea	Kodung Hakkyo (Korean Senior Secondary School Certificate of Graduation)
L	
Laos	High school diploma
M	
Malaysia	STPM (Sijil Tinggi Pelajaran Malaysia)/Advanced Level Exams
Myanmar	Matriculation Examination Pass Certificate
N	
Nepal	Higher Secondary Education Board (Migration) Certificate
Netherlands	Voorbereidend Wetenschappelijk Onderwijs Certificate or Hoger Algemeen Voortgezet Onderwijs
New Zealand	National Certificate of Educational Achievement Level 3
Nigeria	WAEC Senior School Certificate
P	
Pakistan	Higher Secondary Certificate
Philippines	12 Year Secondary School Graduation
Poland	Swiadectwo Dojrzalosci
R	
Romania	Maturity Certificate or Diploma de Bacalaureat
Russian Federation	Attestat/Certificate of (complete) General Secondary Education
S	
Scotland	Scottish Qualifications Authority Certificate (SQA) or Scottish Certificate of Education at the Higher Level
Singapore	Advanced Level Exams

South Africa	National Senior Certificate
Spain	Bachillerato/Titulo de Bachiller
Switzerland	Maturity Certificate
T	
Taiwan (Rep. of China)	Senior High School Leaving Diploma
Thailand	Certificate of Secondary Education (Matayom VI)
Turkey	Lise Diplomasi
U	
United Kingdom	Advanced Level Exams
United States of America (by State)	High School Diploma